

Bản án số: 22/2018/DS-PT
Ngày: 30/ 11/ 2018
“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất liền kề”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 14 /2018/TLPT-DS ngày 05/10/2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất liền kề”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018, của Toà án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2018/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Ông Lương Văn V, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 03/8/40 đường LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Mai Thị H1, sinh năm 1990 (con dâu của bà Phạm Thị H); Địa chỉ: Tổ 13, khu vực 5, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt-đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2)

- Bà Lê Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1985 (vợ của ông V); Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà D đã ủy quyền cho ông Lương Văn V. Giấy uỷ quyền lập ngày 09-03-2017; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986 (em của ông Lương Văn V); Địa chỉ: Số 03/8/40 đường LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thủy T, sinh năm 1995 (em của ông Lương Văn V); Địa chỉ: Số 03/8/40 đường LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn C (chồng bà H), đã chết, gồm:*

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1938 (mẹ của ông Nguyễn C); Địa chỉ: Khu phố 2, phường LBT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1983 (con của bà H, ông C); Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- Ông Nguyễn Hữu Th1, sinh năm 1986 (con của bà H, ông C); Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1994 (con bà H, ông C); Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- Bà Nguyễn Thị Hàm U, sinh năm 1996 (con bà H, ông C); Địa chỉ: Số 05/8/40 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kiều M (mẹ của ông V), đã chết, gồm:*

- Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1958 (cậu của ông Lương Văn V); Địa chỉ: số 18/8 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1964 (dì của ông Lương Văn V); Địa chỉ: Số 4/2 đường LNĐ, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1963 (cậu của ông Lương Văn V); Địa chỉ: Số 272 đường NB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Lệ TH (đã chết), gồm:*

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1962 (chồng); Địa chỉ: Số 41 đường LTĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- Anh Lê Văn L1, sinh năm 1992 (con bà Lệ TH); Địa chỉ: Số 41 đường LTĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1994 (con của bà Lệ TH); Địa chỉ: Số 41 đường LTĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- Chị Lê Thị Minh S, sinh năm 1998 (con của bà Lệ TH); Địa chỉ: Số 41 đường LTĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt- đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2016, lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Vào khoảng năm 1989, bà H mua nguyên một thửa đất diện tích khoảng 387,3m² (thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ 202, đo vẽ năm 1988). Sau khi mua thửa đất trên bà Phạm Thị H chuyển nhượng một phần cho ông Nguyễn Mạnh D diện tích 100m² đất; chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kiều M diện tích 80m² đất (bà M là mẹ ruột của ông Lương Văn V). Việc mua bán giữa các bên được viết giấy tay với nhau vì chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có cắm mốc giới từng thửa đất do địa chính phường Hương Sơ thực hiện. Quá trình sử dụng đất đã mua của bà H thì hộ ông Lương Văn V xây dựng nhà vào năm 2003. Sau khi ông V xây xong nhà thì hộ ông D xây dựng. Ba thửa đất nằm liền kề nhau, theo thứ tự thửa đất ông V, thửa đất bà H rồi đến thửa đất ông D, không có tranh chấp giữa các chủ sử dụng. Đến năm 2016, bà H xây dựng nhà ở thì phát hiện phần đất phía sau của bà đã bị ông Lương Văn V xây lấn bằng một đường bờ lô, giữa các bên không thương lượng được với nhau để tháo dỡ phần lấn chiếm nên xảy ra tranh chấp và uỷ ban nhân dân phường An Hoà đã hoà giải nhưng không thành. Nay bà H yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Lương Văn V và bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả lại 2m² đất và tháo dỡ phần ống nước thải, mái tôn qua phần đất nhà bà H có diện tích 2m², (trị giá 2m² đất x 2,5 triệu = 5.000.000 đồng).

Ngày 17-01-2017, bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu huỷ quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 28-11-2016, đứng tên ông Lương Văn V vì bà cho rằng việc ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian các bên tranh chấp là ảnh hưởng quyền lợi của bà, được Toà án thụ lý số 01/2017 ngày 05-4-2017. Đến ngày 26-4-2017, bà Phạm Thị H có đơn xin rút yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn V. Ngày 27-4-2017, Toà án nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 01/2017/QĐ-ST đình chỉ quyết định cá biệt giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn của bà Phạm Thị H. Ngày 30-5-2017 Uỷ ban nhân dân thành phố H cũng đã ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND v/v Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CC451339 đã cấp cho ông Lương Văn V ngày 28-11-2016.

Bị đơn ông Lương Văn V trình bày: Ngày 07-8-2000, vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Nguyễn C có (Giấy viết tay) bán cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị Kiều M diện tích 80 m² đất (chiều ngang 4m, dài 20m) làm nhà ở tại địa chỉ tổ 13, khu vực 5, phường AH, thành phố H. Nay cha mẹ đã chết, những người thừa kế đã làm thủ tục giao cho ông Lương Văn V là người đại diện cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Kiều M được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CC451339, do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 28-11-2016, diện tích 79,1 m². Năm 2003, ông V xây dựng nhà, gia đình bà H biết nhưng không có ý kiến, không có tranh chấp gì. Năm 2016 bà H xây nhà, thì cho rằng ông V đã lấn sang đất của gia đình bà H khoảng 2m², nên xảy ra tranh chấp. Ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Toà án xem xét cho ông vì ông cho rằng chỉ xây dựng trên phần đất mà mẹ ông đã chuyển nhượng của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị H1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ông Nguyễn C, (đã chết) gồm: Ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Hữu Th1, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Hàm U đều thống nhất ý kiến của bà Phạm Thị H là yêu cầu Toà án xét xử buộc vợ chồng ông Lương Văn V trả lại phần đất đã lấn chiếm là 2m², phần mái tôn và ống nước nằm trên đất lấn chiếm phải tháo dỡ. Riêng bà Phạm Thị Đ thì có ý kiến không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Lương Văn V, bà Đòi đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Nguyễn Ngọc D, (vợ ông V), bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Võ Thị Thuỷ T (em của ông Lương Văn V) trình bày: Việc bà Phạm Thị H khởi kiện ông Lương Văn V thì do ông V quyết định, Bà D, bà Trúc L, bà Thuỷ T cho rằng mình không có liên quan đến vụ kiện và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt các bà.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Bà Nguyễn Thị Kiều M (mẹ ông V), đã chết gồm: Ông Nguyễn Hữu S, Ông Nguyễn Hữu Th, Bà Nguyễn Thị Lệ THỷ, Ông Lê Văn L, Ông Lê Văn L1, Ông Lê Văn N, Chị Lê Thị Minh S (cậu, di ruột của ông Lương Văn V) trình bày: Việc khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Lương Văn V thì do ông Lương Văn V quyết định, tất cả những người này đều cho rằng mình không liên quan đến vụ kiện và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt họ.

Kết quả định giá và thẩm định tài sản tranh chấp theo giá thị trường là:

- Diện tích đất đang tranh chấp là 0,5m², thuộc loại đường 5B vị trí 3, giá trị là 2.000.000đ/m².

- Vật kiến trúc trên đất: (một đường Bờ lô xây dựng để ngăn nước chảy), diện tích 0,1m³, đơn giá 884.000đ/m³; chất lượng còn lại 70%, thành tiền 62.000 đồng.

- Mái tôn sóng, diện tích 1,399 m x 0,10m, chất lượng còn 70%, đơn giá 83.000đ, thành tiền = 81.281 đồng;

- Ống nước thải, loại ống Đạt Hòa, phi 60cm, dài 13,9 = 14m (làm tròn) giá 28.000đ/m, chất lượng còn 80%, thành tiền = 313.600đ.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường An Hoà: Theo bản đồ(GIS năm 2007-2009), bà Phạm Thị H đăng ký sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 33, diện tích: 166.3m², ông Lương Văn V đăng ký thửa đất số 96, tờ bản đồ số 33, diện tích: 79.1m². Tại bản đồ 202(năm 1996-1998 có đo đạc) các thửa đất trên thuộc thửa, tờ bản đồ số 48, diện tích: 387.2m² do ông Nguyễn C đăng ký. Theo hồ sơ lưu trữ tại địa phương ranh giới giữa các thửa đất được thể hiện bản đồ (GIS-HUE) nêu trên.

Theo Công Văn số 822/VPĐKQSDĐ ngày 22-5-2018 của Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H trả lời Công văn số 178/CV-Toà án nhân dân thành phố H ngày 18-4-2018 về việc biến động tăng giảm của các thửa đất nêu trên thì trong diện tích đất 0,5m² đang tranh chấp, có 0.33m² nằm trong thửa 95 do vợ chồng ông C, bà H sử dụng, có kích thước cạnh lần lượt là 0.43m; 1.17m; 0.14m và 1.13m. Phần nằm trong thửa 96, do ông Lương Văn V đang sử dụng, diện tích là 0.17m², có kích thước cạnh lần lượt là: 0.1m; 1.13m;

0.13m và 1.13m. Hiện trạng có một phần mái tôn của ngôi nhà trên thửa đất 96 có kích thước 0.1m x 13.99m và đường ống nước chiều dài 13.99m đều nằm hoàn toàn trong thửa đất 96 của ông Lương Văn V.

Tổng số tiền nguyên đơn nộp để chi phí cho Hội đồng định giá tài sản và lập bản vẽ sơ đồ hai thửa đất (95 và 96) có tranh chấp 03 lần là 5.700.000đ; đã chi phí hết số tiền 5.674.000đ, số tiền còn thừa trả lại cho bà H nhận là 26.000 đồng, ngày 22-3-2018.

Tại bản án số 17/2018/DS-ST ngày 23/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 147, Điều 163, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 16, Điều 12, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả lại cho Phạm Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn C diện tích đất là 0.33m² và tháo dỡ kè bờ lô hiện có trên diện tích đất đó (có bản vẽ kèm theo).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D tháo dỡ, mái tôn ống nước thải nằm trên khuôn viên đất của bà Phạm Thị H.

2. Chi phí định giá tài sản, lập bản vẽ: Buộc ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả cho bà Bà Phạm Thị H số tiền: 2.837.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H, ông Lương Văn V mỗi người phải chịu 200.000 án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị H đã tạm nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai số 002016 ngày 05-10-2016 tại Chi cục THADS Thành phố H nên được trừ vào số tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/2018 và ngày 18/9/2018, nguyên đơn- bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung, với nội dung: Kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân thành phố H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lương Văn V phải tháo dỡ bờ lô trả lại diện tích lấn sang phần đất nhà bà H 0,33m² trong phần diện tích tranh chấp 2m². Buộc ông V tháo dỡ phần mái tôn và đường ống nước thải giữa hai nhà

Tại Phiên tòa Phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được thực hiện theo đúng Điều 70; 71; 72; 73; 302; 305 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Những phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị. Nhưng cần chỉnh sửa lại Bản án sơ thẩm tại trang 6 dòng 9 từ dưới lên, như sau “... của các thửa đất nêu trên thì trong diện tích 0,5 m² đang tranh chấp...” và Trang 7 dòng 20 từ dưới lên, như sau “...nay nguyên đơn đã tạm nộp để chi phí, nay bị đơn ông Lương Văn V phải hoàn trả lại”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày tranh luận của kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo và bổ sung kháng cáo của bà Phạm Thị H đề ngày 30/8/2018 và ngày 18/9/2018 nằm trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa đều được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và đều không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bà Phạm Thị H đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ, thấy rằng:* Tại biên bản định giá tài sản có đầy đủ các thành phần theo pháp luật quy định đồng thời có mặt của bị đơn và nguyên đơn là ông V bà H, việc định giá không có gì vi phạm pháp luật. Khi định giá tài sản, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đo đạc và phát hành bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp. Hội đồng xét xử so sánh số đo trên bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp có số đo đúng như bản vẽ Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà H và xác định được bà Phạm Thị H đang sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 33, diện tích: 166.6m² (tăng 0.3m² so với Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà H). Hiện tại ông Lương Văn V đang sử dụng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 33, diện tích 76.4m² là ít hơn so với diện tích khi bà H chuyển nhượng (80 m²). Do đó việc bà H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] *Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H với nội dung:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lương Văn V phải tháo dỡ bờ lô trả lại diện tích lấn sang phần đất nhà bà H 0,33m² trong phần diện tích tranh chấp

2m2. Buộc ông V tháo dỡ phần mái tôn và đường ống nước thải giữa hai nhà, thấy rằng:

Theo Công văn số 822/VPĐKQSDĐ ngày 22-5-2018 của Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế trả lời Công văn số 178/CV-Toà án nhân dân thành phố Huế ngày 18-4-2018 về việc biến động tăng giảm của các thửa đất nêu trên thì: trong diện tích đất 0,5m2 đang tranh chấp, có 0.33m2 nằm trong thửa 95 do vợ chồng ông C, bà H sử dụng, có kích thước cạnh lần lượt là 0.43m; 1.17m; 0.14m và 1.13m. Phần nằm trong thửa 96, do ông Lương Văn V đang sử dụng, diện tích là 0.17m2, có kích thước cạnh lần lượt là: 0.1m; 1.13m; 0.13m và 1.13m. Hiện trạng có một phần mái tôn của ngôi nhà trên thửa đất 96 có kích thước 0.1m x 13.99m và đường ống nước chiều dài 13.99m đều nằm hoàn toàn trong thửa đất 96 của ông Lương Văn V.

Như vậy Theo Công Văn số 822/VPĐKQSDĐ ngày 22-5-2018 của Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế đã xác định được:

- Về phần diện tích tranh chấp kê bờ lô có tranh chấp là 0,5m2, theo đo vẽ của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác định, trong 0,5 m2 kê bờ lô tranh chấp có 0.33m2 nằm trong thửa 95 do vợ chồng ông C, bà H sử dụng, có kích thước cạnh lần lượt là 0.43m; 1.17m; 0.14m và 1.13m. Phần nằm trong thửa 96, do ông Lương Văn V đang sử dụng, diện tích là 0.17m2, có kích thước cạnh lần lượt là: 0.1m; 1.13m; 0.13m và 1.13m. Do đó xác định đượ kê bờ lô do ông V xây dựng đã lấn chiếm quyền sử dụng đất của bà H là 0.33m2 có kích thước cạnh lần lượt là 0.43m; 1.17m; 0.14m và 1.13m.

- Về phần mái tôn và ống nước thải nhà ông V, thì: phần mái tôn của ngôi nhà trên thửa đất 96 có kích thước 0.1m x 13.99m và đường ống nước chiều dài 13.99m đều nằm hoàn toàn trong thửa đất 96 của ông Lương Văn V.

Do đó Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, tại bản án sơ thẩm đã quyết định:

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả lại cho Phạm Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn C diện tích đất là 0.33m2 và tháo dỡ kê bờ lô hiện có trên diện tích đất đó (có bản vẽ kèm theo); Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D tháo dỡ, mái tôn ống nước thải nằm trên khuôn viên đất của bà Phạm Thị H.

Bản án sơ thẩm tuyên như trên là đúng pháp luật và đã giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó kháng cáo của bà H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm Buộc ông V tháo dỡ mái tôn và đường ống nước thải là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Phạm Thị H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm (Theo Điều 28 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí định giá tài sản, lập bản vẽ, án phí dân sự sơ thẩm và quy định về thi hành án, cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật cần giữ nguyên các quyết định này của bản án sơ thẩm
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

I - Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 147, Điều 163, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 16, Điều 12, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả lại cho Phạm Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn C diện tích đất là 0.33m² và tháo dỡ kè bờ lô hiện có trên diện tích đất đó (có kích thước cạnh lần lượt là 0.43m; 1.17m; 0.14m và 1.13m, có bản vẽ kèm theo).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D tháo dỡ, mái tôn ống nước thải nằm trên khuôn viên đất của bà Phạm Thị H.

2. Chi phí định giá tài sản, lập bản vẽ: Buộc ông Lương Văn V, bà Lê Nguyễn Ngọc D phải trả cho bà Bà Phạm Thị H số tiền: 2.837.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H, ông Lương Văn V mỗi người phải chịu 200.000 án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị H đã tạm nộp tiền ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai số 002016 ngày 05-10-2016 tại Chi cục THADS Thành phố Huế nên được trừ vào số tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006032 ngày 20/09/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔN ANH DŨNG